SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ;
Thời gian ký: 29/05/2025 10:11:19 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44 /GPMT-UBND	*Cần Thơ, ngày 28 tháng 5 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - Chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư Y tế Việt Cường số 4925/CV-S.I.S ngày 26 tháng 02 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1491/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - Chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư Y tế Việt Cường được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ (quy mô 100 giường)" địa chỉ tại số 397 đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: "Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ (quy mô 100 giường)".

1.2. Địa điểm hoạt động: số 397 đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận đăng

ký kinh doanh số 0312592908-002, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2018. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 9 năm 2023 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

1.4. Mã số thuế: 0312592908-002.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở y tế (bệnh viện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở

- Quy mô, công suất: Bệnh viện điều trị nội trú là 100 giường.
- Tổng diện tích đất: 3.755,2 m^2.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - Chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư Y tế Việt Cường có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày ..28.. tháng 5 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ninh Kiều tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND thành phố;
- BV Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - CN Cty CP đầu tư Y tế Việt Cường;
- UBND quận Ninh Kiều;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu VT. VK

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tấn Hiển

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 44 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ căn tin, nhà ăn, lưu lượng phát sinh khoảng 23,4 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, hoạt động của cán bộ, nhân viên bệnh nhân, người nhà bệnh nhân; các dòng thải từ nước sàn, lavabo và các khu văn phòng, khu hành chính,... lưu lượng phát sinh khoảng 47,05 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải từ các phòng khoa bao gồm nước thải phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh; dòng thải từ nước sàn, lavabo của các khu xét nghiệm, phòng cấp cứu, phòng phẫu thuật,... lưu lượng phát sinh khoảng 65,58 m^3/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Tuyến cống thoát nước sinh hoạt hiện hữu trên vỉa hè Đường số 5 thuộc Khu đô thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn - Hàng Bàng đến đường tỉnh 922);

2.2. Vị trí xả nước thải

+ Điểm tiếp nhận: vị trí xả thải trên vỉa hè Đường số 5 thuộc Khu đô thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn - Hàng Bàng đến đường tỉnh 922);

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

+ Tọa độ sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải: X=1107699, Y=580809;

+ Toạ độ điểm đấu nối vào nguồn tiếp nhận: X=1107649, Y=580750.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải theo công suất hệ thống xử lý nước thải: 150 m^3/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 28:2010/BTNMT (cột A; K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5-8,5	03 tháng/lần	-
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	03 tháng/lần	-
3	BOD_5	mg/l	36	03 tháng/lần	-
4	COD	mg/l	60	03 tháng/lần	-
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	03 tháng/lần	-
6	Photphat (tính theo P)	mg/l	7,2	03 tháng/lần	-
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36	03 tháng/lần	-
8	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	1,2	03 tháng/lần	-
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	03 tháng/lần	-
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12	03 tháng/lần	-
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2	03 tháng/lần	-
12	Coliform	MPN/100ml	3.000	03 tháng/lần	-
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	03 tháng/lần	-
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	03 tháng/lần	-
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	03 tháng/lần	-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách biệt hoàn toàn so với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; đường ống nhựa PVC Φ114, Φ90, Φ60 được lắp đặt trong các khoa, phòng mổ, phòng bệnh để thu lượng nước thải y tế dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung; đường ống nhựa PVC Φ160, Φ114, Φ90 được lắp đặt trong nhà ăn, phòng bệnh, khu hành chính và khu vực vệ sinh,.. để thu gom nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, thân nhân và y bác sĩ.

- Nước thải sau xử lý theo đường ống nhựa PVC Φ90 tự chảy vào hố ga của tuyến cống thoát nước sinh hoạt hiện hữu trên vỉa hè Đường số 5 thuộc Khu đô thị

Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn - Hàng Bàng đến đường tỉnh 922) với tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000) là X=1107649, Y=580750.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m^3/ngày đêm.

+ Quy trình trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải (Nước thải y tế, nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại 03 ngăn, nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể kị khí → Bể Anoxic → Bể MBBR/AEROTANK → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận: Tuyến cống thoát nước sinh hoạt hiện hữu trên vỉa hè Đường số 5 thuộc Khu đô thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn - Hàng Bàng đến đường tỉnh 922).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine để khử trùng nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nhân viên vận hành phải có chuyên môn, kỹ thuật và được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý; Vận hành hệ thống theo quy trình hướng dẫn, tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế và vận hành hệ thống.

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo trì các thiết bị, đường ống định kỳ. Thường xuyên vệ sinh đường ống dẫn nước tránh tắt nghẽn, hạn chế phát sinh mùi hôi trong môi trường yếm khí.

- Lập kế hoạch ứng cứu sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng thu mẫu quan trắc định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra theo quy định.

- Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hoạt động liên tục, có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và ghi chép nhật ký nước thải hàng ngày.

- Trang bị các máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải như: các loại máy bơm, máy thổi khí,...Đồng thời định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra hệ thống, tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị đang hoạt động, thay thế sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng.

- Bố trí máy phát điện dự phòng để đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố về điện.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (đã được cấp giấy phép môi trường thành phần).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:-

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 44 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của các thiết bị y tế.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị (máy phát điện, hệ thống xử lý nước thải).

- Nguồn số 03: Hoạt động của máy thổi khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

–Nguồn số 01: Khu vực phòng đặt thiết bị y tế.

- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện và hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy thổi khí.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Quy định thời gian và nội quy thăm bệnh.

- Đối với phương tiện giao thông: Cơ sở xây dựng tường cao bao quanh khuôn viên để giảm thiểu ồn từ bên ngoài; Bố trí nhà xe gần cổng ra vào hạn chế các phương tiện lưu thông bên trong khuôn viên; Trồng nhiều cây xanh để giảm

bụi và tiếng ồn.

- Đối với máy móc, thiết bị: Bố trí khu máy phát điện và hệ thống xử lý cách xa khu vực chuyên môn của cơ sở; Lựa chọn máy phát điện có thiết kế giảm ồn, rung đi kèm công nghệ máy; Kiểm tra độ cân bằng từ quá trình lắp đặt; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các chi tiết máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 44 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/khí)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	56.249	13 01 01
2	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	590	18 01 04
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	143	16 01 06
4	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	9	16 01 08
Tổng			**56.991**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh, gồm:

Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh: chủ yếu là thùng giấy carton, chai nhựa, giấy vụn,...số lượng phát sinh 3.075kg/tháng, tương đương 36.904 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Thành phần gồm vỏ trái cây, thực phẩm thừa, bao bì, túi nylon, vỏ lon, chai lọ, lá cây,... Khối lượng phát sinh khoảng 283.046 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy thể tích loại nhỏ: 3 - 5 lít/thùng; loại vừa: 10 - 20 lít/thùng và loại to: 240 lít/thùng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 19 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nhà chứa chất thải nguy hại được xây dựng kiên cố với có nền cao hơn mặt đường nội bộ khoảng 0,3 cm, tường bằng gạch, nền bê tông, mái tôn, có rãnh thu gom, cửa khóa kín. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng

cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng nhựa có nắp đậy thể tích 120-240 lít/thùng

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lứu chứa: khoảng 18 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực chứa chất thải thông thường: tường xây gạch, nền bê tông, mái tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng nhựa có nắp đậy thể tích 240 lít/thùng

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: khoảng 19 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực chứa chất thải sinh hoạt: tường xây gạch, nền bê tông, mái tôn.

Chủ dự án ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ thu gom chất thải rắn sinh hoạt và vận chuyển rác sinh hoạt đi xử lý ít nhất 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện và cung cấp nội dung kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 110 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các nội dung sau đây:

1. An toàn bức xạ: Chủ dự án thực hiện các biện pháp phòng chống rò rỉ tia bức xạ tại khu chẩn đoán hình ảnh (X-quang) như sau:

- Đối với các thiết bị phát tia X: Phù hợp với tiêu chuẩn Quốc tế hoặc Việt Nam; Có các tài liệu đi kèm với thiết bị như đặc trưng kỹ thuật, hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng; Có cơ cấu kiểm soát tự động chùm tia; Giới hạn sự chiếu xạ trong khu vực được khám và chữa bệnh của người bệnh; Thiết bị bức xạ được trang bị các phương tiện để kiểm soát các thông số vận hành như: loại bức xạ, năng lượng, vật điều chỉnh chùm tia, khoảng cách chiếu trị, kích thước trường chiếu, định hướng chùm tia và thời gian chiếu trị; Các thiết bị chiếu xạ dùng nguồn phóng xạ phải tự động trở về vị trí an toàn khi có sự cố, nguồn vẫn được duy trì che chắn bảo vệ cho tới khi cơ cấu kiểm soát chùm tia được tái khởi động từ tủ điều khiển.

- Phòng đặt thiết bị: Phòng chụp X – quang có kích thước theo quy định của tiêu chuẩn Việt Nam, tường xây bằng gạch đặc, dày 40cm, có hệ thống che chắn

tốt đảm bảo an toàn, cửa sổ thông khí không thấp hơn 2m so với sàn phía ngoài; Phòng xạ trị từ xa (teletherapy) có diện tích không nhỏ hơn 30m^2, chiều rộng không nhỏ hơn 4m, chiều cao không thấp hơn 3m, có hệ thống ánh sáng và thông gió tốt; Thiết bị được che chắn để sao cho liều giới hạn hàng năm đối với nhân viên vận hành máy không quá 20mSv; Lắp đặt tín hiệu cảnh báo nguy hiểm: đặt ở phía trên cửa ra vào phòng thiết bị bức xạ một đèn đỏ sẽ phát sáng khi thiết bị bức xạ bắt đầu hoạt động và đặt trên cửa ra vào phòng thiết bị bức xạ một biển cảnh báo bức xạ.

- Phòng làm việc của nhân viên bức xạ: Phải biệt lập với phòng máy X-quang. Suất liều tại bất kỳ điểm nào trong phòng không được vượt quá 1 mSv/năm, không kể phông bức xạ tự nhiên.

- Bố trí thiết bị bức xạ: Có 02 phòng X- quang, mỗi phòng chỉ đặt một thiết bị bức xạ, thiết bị bức xạ được đặt sao cho lúc sử dụng, tia chiếu không hướng vào tủ điều khiển, cửa ra vào, cửa sổ hoặc khu vực đông người.

- Yêu cầu đối với nhân viên vận hành: Kỹ thuật viên vận hành có trình độ chuyên môn; Trang bị bảo hộ lao động cá nhân cần thiết cho các y bác sĩ làm việc trực tiếp với nguồn bức xạ và cưỡng chế việc tuân thủ thực hiện; Kiểm tra an toàn nguồn trước khi vận hành và sau khi xong việc; Đóng cửa ra vào trong suốt quá trình vận hành máy; Tuân thủ các quy trình vận hành máy; Chú ý những tín hiệu bất thường của các loại thiết bị để kịp thời phát hiện sự cố, ngăn ngừa tai nạn; Không được tháo bỏ các bộ phận đang có hư hỏng trong hệ thống bảo vệ chiều sâu để vận hành trực tiếp bằng tay; Lưu trữ số liệu vận hành; Thông báo ngay lập tức cho người quản lý phòng bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ nếu phát hiện mất nguồn phóng xạ, khả năng có thể xảy ra sự cố bức xạ. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, chủ cơ sở tham gia khắc phục sự cố bức xạ.

2. Phòng ngừa ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất:

- Biện pháp phòng ngừa: Bảo quản hóa chất trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa được đậy kín, đặt nơi khô ráo, thoáng mát; Lưu trữ các bình chứa hóa chất tại kho chứa riêng, thông thoáng, có biển báo ghi đầy đủ thông tin về loại hóa chất và hướng dẫn an toàn kèm theo; Khu vực chứa hóa chất treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa; Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất của Nhà nước, bảo vệ môi trường, phòng chống tràn hóa chất trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành và sử dụng; Sử dụng đúng kỹ thuật và tuân thủ các quy tắc an toàn đối với từng loại hóa chất; Vận chuyển bình chứa khí, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào mục đích khác; Thường xuyên kiểm tra các bình chứa; Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy; Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng quy trình ứng phó sự cố hóa chất, tập huấn cho cán bộ, công nhân viên trong bệnh viện và dán tại các khu vực dễ quan sát, trong đó ghi rõ số điện thoại khẩn cấp trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố rò rỉ hóa chất: Sơ tán mọi người, cách

ly khỏi khu vực xảy ra sự cố, di chuyển đến nơi an toàn; Dùng các phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp với các hóa chất tràn đổ hoặc rò rỉ khi tham gia xử lý; Kiểm soát ngay tại nguồn phát sinh nhằm hạn chế hóa chất tràn đổ lan rộng ra xung quanh; Dùng các phương tiện thích hợp để thu gom như cát, giẻ lau,...để hạn chế chảy tràn chất lỏng. Dùng nước làm giảm nồng độ ô nhiễm và quạt thông gió cho khu vực xảy ra sự cố; Tiến hành điều tra nguyên nhân và lên phương án khắc phục các biện pháp an toàn đã và đang áp dụng.

3. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

- Biện pháp phòng ngừa: Tại các khu vực trong bệnh viện đều được trang bị những bình chữa cháy cầm tay được kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo khả năng dập tắt những đám cháy xảy ra tại từng khu vực; Cấm hút thuốc trong bệnh viện vì các loại khí thải như hơi dung môi rất dễ cháy khi gặp mồi lửa. Đối với các hóa chất dễ cháy được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn chặn sự cháy tràn lan khi có sự cố. Kho lưu trữ nên niêm yết rõ và không có chướng ngại vật. Định kỳ kiểm tra các dụng cụ chứa, lượng lưu trữ phải có giới hạn; Thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn tín hiệu và hệ thống thông tin tốt, các phương tiện chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng; Kiểm tra dây dẫn điện tránh sự quá tải trên đường dây; Cơ sở được thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy về mặt kiến trúc, công trình xây dựng và các hạng mục kỹ thuật báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng; Thiết kế lối vào dễ dàng cho xe cứu hỏa.

- *Biện pháp ứng phó*: Nhân viên trong khu vực xảy ra sự cố cần rời khỏi nơi làm việc ngay lập tức; Cúp điện bên trong khu vực xảy ra sự cố; Báo động toàn bộ cơ sở, bảo vệ gọi điện thoại đến PCCC chuyên nghiệp số 114; Gọi điện thoại báo chính quyền địa phương như Công An, Quân Đội đến để phối hợp chữa cháy; Thông tin về tình hình cháy, chữa cháy cho lãnh đạo cơ sở và chỉ huy chữa cháy biết để có hướng chỉ đạo; Tổ chức chữa cháy bằng các loại phương tiện chữa cháy tại chỗ đã được trang bị để dập lửa và chống cháy lan ra xung quanh và cùng phối hợp tổ chức cứu chữa với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp; Nếu có người bị nạn phải tổ chức sơ cấp cứu và đưa đi bệnh viện gần nhất, gọi 115; Tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực cháy, tập trung về khu vực an toàn và tiến hành kiểm tra số lượng cán bộ, công nhân viên; Di chuyển tài sản hàng hóa trong khu vực cháy và khu vực lân cận có nguy cơ bị cháy lan ra nơi an toàn; Tổ chức khắc phục, xử lý ô nhiễm, vệ sinh môi trường.

4. Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố khi vận hành hệ thống xử lý nước thải

Sự cố hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra trong quá trình hoạt động do hư hỏng các thiết bị như máy bơm, máy thổi khí,...và các sự cố bất ngờ khác của hệ thống xử lý. Qua rà soát, đánh giá chủ cơ sở đề xuất biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Biện pháp phòng ngừa: Nhân viên vận hành phải có chuyên môn, kỹ thuật và được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý; Vận hành

hệ thống theo quy trình hướng dẫn, tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế và vận hành hệ thống; Thực hiện công tác kiểm tra, bảo trì các thiết bị, đường ống định kỳ; Thường xuyên vệ sinh đường ống dẫn nước tránh tắt nghẽn, hạn chế phát sinh mùi hôi trong môi trường yếm khí; Lập kế hoạch ứng cứu sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải; Phối hợp với đơn vị có chức năng thu mẫu quan trắc định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra theo quy định; Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hoạt động liên tục, có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và ghi chép nhật ký nước thải hàng ngày; Trang bị các máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải như: các loại máy bơm, máy thổi khí,...Đồng thời định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra hệ thống, tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị đang hoạt động, thay thế sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng; Bố trí máy phát điện dự phòng để đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố về điện./.